

Bản án số: 185/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04-12-2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Võ Hồng D, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Vào năm 2001, ông và bà Võ Hồng D chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dẫn đến cự cãi, cuộc sống chung mâu thuẫn kéo dài, cả hai không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2020 cho đến nay. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Võ Hồng D. Trong quá trình chung sống ông và bà D có hai người con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2002 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007. Đối với Nguyễn Chí B đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Bảo Y đang chung sống với bà D, sau khi ly hôn

ông yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Bảo Y cho bà D nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hoà giải ngày 13 tháng 11 năm 2024 bị đơn bà Võ Hồng D trình bày: Bà thống nhất phần trình bày của ông Nguyễn Văn N về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Giữa bà và ông Nguyễn Văn N chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không thể tiếp tục cuộc sống chung, cả hai không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2020 cho đến nay. Bà xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Về con chung: Bà và ông N có 02 người con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2002 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007. Nguyễn Chí B đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Bảo Y khi ly hôn bà D đồng ý nhận nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Võ Hồng D, yêu cầu được giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn, bà Võ Hồng D là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N và bà Võ Hồng D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Hồng D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Võ Hồng D không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Võ Hồng D.

[4]. Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Văn N và bà Võ Hồng D có hai người con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2002 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007. Đối với Nguyễn Chí B đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với Nguyễn Bảo Y đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Bảo Y, ông N đồng ý giao Nguyễn Bảo Y cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông N, bà D là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi

phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung thể hiện tại bản tự khai ngày 13 tháng 9 năm 2024 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông N và bà D, giao người con chung tên Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007 cho bà Võ Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà Võ Hồng D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Văn N và bà Võ Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng, ông N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Võ Hồng D.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007 cho bà Võ Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003953 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều